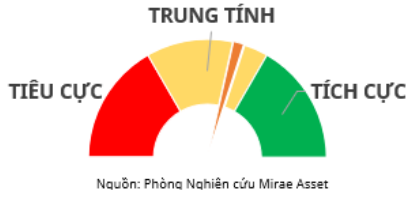


01 Tháng 12, 2022

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

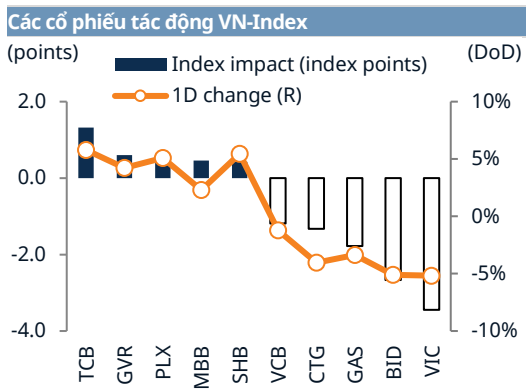
Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,036.28	-1.2	0.2	-30.2
HNX	211.00	1.1	-0.6	-53.7
UPCOM	71.41	0.8	-6.6	-37.7
MSCI EM	972.29	2.0	12.1	-20.7
NIKKEI	28,226.08	0.9	2.0	1.0
HANG SENG	18,736.44	0.7	21.2	-20.8
KOSPI	2,479.84	0.3	6.2	-14.5
FTSE	7,585.59	0.2	5.6	5.8
S&P 500	4,080.11	3.1	5.8	-9.6
NASDAQ	11,468.00	4.4	5.3	-24.8

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Việt Nam	10.9	1.7	15.4
Indonesia	13.6	2.0	5.2
Philippines	15.6	1.6	11.0
Malaysia	15.9	1.4	9.0
Thái Lan	15.5	1.6	9.3

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Tái cấp vốn	6.0	0	0	200
TPCP 5 năm	4.8	0	-3	401
TPCP 10 năm	4.9	0	-3	282

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	24,635	-0.3	-0.8	8.5
US\$/KRW	1,299.4	-1.4	-8.3	10.4
US\$/JPY	136.5	-1.1	-8.0	21.0
US\$/EUR	0.96	-0.2	-5.3	8.5
US\$/GBP	0.82	-0.6	-5.3	9.5
US\$/SGD	1.36	-0.2	-4.0	-0.4

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	575	402	462
HNX	44	35	50
UPCOM	16	14	27



Nhận định thị trường

Áp lực chốt lời

Sau nhiều phiên tăng điểm mạnh trước đó, thì ở phiên chiều hôm nay áp lực chốt lời mạnh đã khiến cho nhiều mã cổ phiếu mất đi sắc tím và VN-Index đổi sang sắc đỏ. Kết phiên giao dịch, VN-Index ghi nhận giảm hơn 12 điểm tương ứng với 1,2% và dừng chân tại 1,036 điểm. Thanh khoản khớp lệnh tiếp tục xác lập mức cao nhất trong 6 tháng vừa qua với tổng giá trị khớp lệnh đạt hơn 1,2 tỷ đơn vị tương ứng với hơn 20,313 tỷ đồng.

Trong nhóm VN30, PDR tiếp tục là cái tên vẫn duy trì được sắc tím khi đóng cửa, trái ngược với đó NVL bị chốt lời mạnh và tạm lui về vùng tham chiếu khi kết phiên. Ngoài ra, nhiều mã vẫn duy trì đà tăng và tiếp tục đóng cửa với sắc tím như NKG, ITA, HQC, DXG, DIG, ...

Khối ngoại tiếp tục duy trì vị thế mua ròng với giá trị hơn 1,057 tỷ đồng trên cả 2 sàn HNX và HSX. Đứng đầu danh sách mua ròng là VHM với 211 tỷ và thứ 2 là STB với 147 tỷ đồng. Ngược lại, DXG và CTG bị bán ròng lần lượt 56 tỷ và 38 tỷ đồng.

Với diễn biến đóng cửa trong sắc đỏ đã khiến cho điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index tiếp tục giảm từ mức +5 điểm KHẢ QUAN xuống mức +2 điểm TRUNG TÍNH. Hệ số P/E của VN-Index hiện tại đang ở mức 10,9x

Trương Hoàng Tiến Hưng Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	6	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	4	KHẢ QUAN
Shanghai Composite	7	KHẢ QUAN
Kospi	3	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	0	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	7	KHẢ QUAN
Dow Jones	1	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường **Phân tích kỹ thuật**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	6	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	4	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIỂU CỤC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (01/12/2022)	Kháng cự 1	1.040
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.070
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.000
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	975

VN-Index đang gặp phải ngưỡng kháng cự mạnh tại 1,060 điểm. Áp lực bán khiến cho đóng cửa ở mức thấp nhất trong ngày.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Investing.com

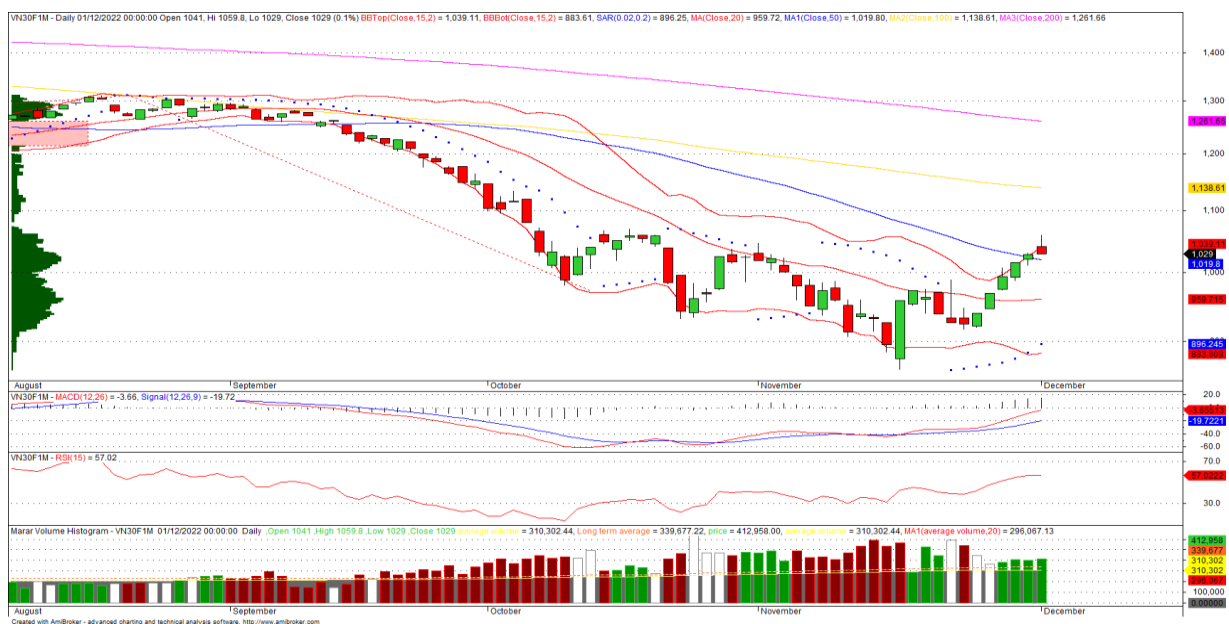
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (01/12/2022)	1.029	Kháng cự 1 1.000
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	KHẢ QUAN	Kháng cự 2 1.030
VN30 - đóng cửa	1.042	Hỗ trợ 1 960
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-13.6	Hỗ trợ 2 890

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	4	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN

Đà tăng thu hẹp lại khi VN30F1M tiến tới những vùng kháng cự mạnh trong ngắn hạn

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fireant

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
TCB	Ngân hàng	27,400	7,752,480	96	5	
SHB	Ngân hàng	10,650	15,099,965	80	5	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
VNM	82.4	2,352,225	6	KHẢ QUAN	172,212	21.8	5.5	194
DIG	16.9	23,247,644	5	KHẢ QUAN	10,306	10.0	1.4	393
MBB	17.8	14,710,505	5	KHẢ QUAN	80,705	4.6	1.1	262
TCB	27.4	7,752,480	5	KHẢ QUAN	96,372	4.5	0.9	212
DXG	13.65	14,390,640	5	KHẢ QUAN	8,327	9.8	0.9	196
SHB	10.65	15,099,965	5	KHẢ QUAN	32,663	4.0	0.8	161
HSG	11.5	13,841,035	5	KHẢ QUAN	6,878	26.2	0.6	159
NKG	11.75	9,739,350	5	KHẢ QUAN	3,094	4.2	0.5	114
FPT	74.7	1,379,470	5	KHẢ QUAN	81,948	15.6	4.1	103
CII	14.5	5,328,585	5	KHẢ QUAN	3,657	9.9	0.7	77
DGW	45.55	1,327,140	5	KHẢ QUAN	7,428	8.6	3.3	60
HDB	15.9	3,187,580	5	KHẢ QUAN	40,118	5.3	1.1	51
BCG	7.55	6,033,110	5	KHẢ QUAN	4,028	5.6	0.6	46
GIL	27.7	1,545,780	5	KHẢ QUAN	1,911	3.1	0.7	43
REE	74.5	565,430	5	KHẢ QUAN	26,477	9.6	1.8	42
ASM	8.75	4,536,365	5	KHẢ QUAN	2,945	4.1	0.5	40
PLX	31	1,198,170	5	KHẢ QUAN	39,388	42.0	1.7	37
HBC	10	3,547,535	5	KHẢ QUAN	2,741	28.0	0.7	35
IDI	9.9	3,219,975	5	KHẢ QUAN	2,254	3.7	0.7	32
SBT	13.5	2,316,885	5	KHẢ QUAN	9,724	11.2	1.0	31
ANV	22	1,333,140	5	KHẢ QUAN	2,797	4.5	1.0	29
KSB	16.5	1,775,975	5	KHẢ QUAN	1,259	6.7	0.7	29
DHC	38.2	745,370	5	KHẢ QUAN	2,674	6.9	1.5	28
LDG	5.56	5,074,040	5	KHẢ QUAN	1,331	9.2	0.4	28
LCG	6.8	3,684,670	5	KHẢ QUAN	1,290	6.9	0.5	25
HQC	2.82	8,598,925	5	KHẢ QUAN	1,344	79.0	0.3	24
NVL	23.35	19,911,560	4	KHẢ QUAN	45,529	15.9	1.2	465
VPB	16.8	18,507,944	4	KHẢ QUAN	112,782	5.6	1.2	311
DGC	58	4,435,165	4	KHẢ QUAN	22,027	3.9	2.1	257
VCI	23.55	8,538,880	4	KHẢ QUAN	10,256	7.8	1.6	201

MWG	44.05	4,176,905	4	KHẢ QUAN	64,469	12.6	2.8	184
IDC	35	4,958,490	4	KHẢ QUAN	11,550	5.7	2.3	174
PVS	20.8	7,992,510	4	KHẢ QUAN	9,942	19.9	0.8	166
EIB	21	6,854,440	4	KHẢ QUAN	25,818	9.4	1.3	144
BSR	14.4	8,768,045	4	KHẢ QUAN	44,647	6.8	1.2	126
TPB	21.8	5,730,110	4	KHẢ QUAN	34,482	5.7	1.1	125
MSN	99	1,253,980	4	KHẢ QUAN	140,949	14.7	5.5	124
PVD	15.3	7,525,165	4	KHẢ QUAN	8,505	#N/A N/A	0.6	115
DCM	27.8	3,910,590	4	KHẢ QUAN	14,717	3.6	1.5	109
VCG	15.6	6,679,915	4	KHẢ QUAN	7,580	5.6	1.1	104
FRT	68	1,456,700	4	KHẢ QUAN	8,056	12.8	4.2	99
VIB	20	4,810,645	4	KHẢ QUAN	42,153	5.0	1.4	96
DPM	39.3	2,274,010	4	KHẢ QUAN	15,379	2.5	1.2	89
DBC	14.5	3,969,080	4	KHẢ QUAN	3,509	10.3	0.7	58
HAH	31.3	1,674,135	4	KHẢ QUAN	2,202	2.9	1.0	52
PAN	15.4	2,906,700	4	KHẢ QUAN	3,217	7.9	0.7	45
BVH	47.8	839,130	4	KHẢ QUAN	35,483	20.3	1.6	40
GMD	46.3	825,100	4	KHẢ QUAN	13,954	15.1	2.0	38
TNG	14.4	2,492,850	4	KHẢ QUAN	1,514	4.9	1.0	36
VPI	60.9	579,925	4	KHẢ QUAN	14,738	24.1	4.4	35
PNJ	112	305,680	4	KHẢ QUAN	27,552	14.5	3.3	34
VGC	36.5	928,660	4	KHẢ QUAN	16,365	8.3	2.2	34
FTS	18.5	1,648,535	4	KHẢ QUAN	3,609	8.7	1.1	30
VPG	14.65	1,698,410	4	KHẢ QUAN	1,175	4.8	0.8	25
CEO	20	8,476,410	3	TRUNG TÍNH	5,147	16.5	1.7	170
VIX	8	13,654,095	3	TRUNG TÍNH	4,657	6.0	0.6	109
ACB	22.5	4,811,425	3	TRUNG TÍNH	75,992	5.7	1.4	108
GVR	14.8	2,358,760	3	TRUNG TÍNH	59,200	13.9	1.2	35
PHR	43	809,435	3	TRUNG TÍNH	5,826	9.1	1.7	35
VJC	103.2	315,370	3	TRUNG TÍNH	55,894	903.9	3.2	33
SCR	6.4	4,841,325	3	TRUNG TÍNH	2,532	17.5	0.5	31
AAA	7.6	3,624,480	3	TRUNG TÍNH	2,905	8.1	0.5	28
IDJ	9.7	2,671,490	3	TRUNG TÍNH	1,683	7.8	0.9	26
L14	56.6	447,375	3	TRUNG TÍNH	1,747	13.5	4.7	25
HPG	18.2	48,435,236	2	TRUNG TÍNH	105,829	6.8	1.1	882
STB	19.5	29,279,980	2	TRUNG TÍNH	36,762	8.9	1.0	571
SSI	18.2	23,264,760	2	TRUNG TÍNH	27,102	8.1	1.2	423
VND	13	25,010,920	2	TRUNG TÍNH	15,832	7.1	1.1	325
KBC	20.2	12,667,300	2	TRUNG TÍNH	15,506	6.9	1.0	256
GEX	14.2	15,605,900	2	TRUNG TÍNH	12,091	24.3	1.0	222
VHM	53.5	4,025,110	2	TRUNG TÍNH	232,959	7.4	1.7	215
HCM	21.4	8,211,990	2	TRUNG TÍNH	9,579	10.0	1.2	176
PDR	14.6	11,082,085	2	TRUNG TÍNH	9,806	4.5	1.2	162
LPB	11.4	13,062,725	2	TRUNG TÍNH	19,712	3.8	0.8	149
SHS	8.5	16,308,895	2	TRUNG TÍNH	6,912	9.3	0.7	139
HAG	8.81	15,401,375	2	TRUNG TÍNH	8,170	7.8	1.7	136
VCB	80	1,437,050	2	TRUNG TÍNH	378,601	14.3	3.0	115
POW	11.2	9,585,190	2	TRUNG TÍNH	26,229	22.5	0.9	107

NLG	27.55	3,825,605	2	TRUNG TÍNH	10,581	27.1	1.2	105
KDH	27.2	3,730,050	2	TRUNG TÍNH	19,498	15.2	1.7	101
HDC	35.8	2,702,775	2	TRUNG TÍNH	3,869	11.6	2.3	97
HDG	31.4	2,880,850	2	TRUNG TÍNH	7,681	5.4	1.5	90
BID	39	2,160,395	2	TRUNG TÍNH	197,282	12.2	2.0	84
TCH	7.83	8,433,480	2	TRUNG TÍNH	5,232	26.9	0.6	66
VRE	30	2,079,560	2	TRUNG TÍNH	68,170	33.0	2.1	62
KDC	61.5	852,180	2	TRUNG TÍNH	15,819	32.3	2.3	52
PVT	18.9	2,034,315	2	TRUNG TÍNH	6,117	7.5	1.1	38
JJC	12.9	2,953,655	2	TRUNG TÍNH	2,801	5.4	0.7	38
HUT	15.8	2,311,140	2	TRUNG TÍNH	5,508	15.5	1.4	37
PC1	18.65	1,885,145	2	TRUNG TÍNH	5,044	12.4	1.0	35
HNG	4.51	5,728,795	2	TRUNG TÍNH	5,000	#N/A N/A	2.3	26
NT2	26.05	955,945	2	TRUNG TÍNH	7,499	9.1	1.7	25
MBS	13.3	1,808,535	2	TRUNG TÍNH	5,175	7.7	1.2	24
CTG	26.15	9,419,995	0	TRUNG TÍNH	125,670	8.1	1.2	246
VIC	66	2,095,380	0	TRUNG TÍNH	251,720	230.7	2.2	138
HPX	9.73	9,601,255	0	TRUNG TÍNH	2,960	13.6	0.9	93
VHC	65.7	531,910	0	TRUNG TÍNH	12,048	5.3	1.6	35
FLC	3.57	8,630,840	-2	TRUNG TÍNH	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A	31
GAS	106.5	352,715	-4	TIÊU CỰC	203,836	15.3	3.6	38
SAB	175.4	200,420	-5	TIÊU CỰC	112,481	20.8	4.6	35

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

IMF dự báo kinh tế Trung Quốc tăng trưởng cao hơn vào năm 2023

Ngày 30/11, người phát ngôn của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) cho biết cơ quan này nhận thấy việc Trung Quốc điều chỉnh dần và an toàn chính sách "Không COVID" (Zero COVID) có thể giúp nền kinh tế lớn thứ hai thế giới này tăng trưởng cao hơn vào năm 2023. Theo người phát ngôn IMF, nhà chức trách Trung Quốc đã thực hiện các biện pháp phòng, chống COVID-19 có mục tiêu hơn, hướng tới việc tiếp tục điều chỉnh dần và an toàn chiến lược liên quan đến COVID-19. Quan chức IMF đánh giá đại dịch COVID-19 và các hạn chế liên quan đến dịch bệnh sẽ gây khó khăn đối với người dân. Các đợt bùng phát mới tại Trung Quốc có thể ảnh hưởng đến hoạt động trong ngắn hạn, song việc điều chỉnh chính sách phòng, chống COVID-19 có thể hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong năm sau. Điều này cũng sẽ hỗ trợ tăng trưởng toàn cầu. Người phát ngôn IMF đưa ra đánh giá trên trong bối cảnh trước đó cùng ngày, chính quyền thành phố Quảng Châu và Trùng Khánh của Trung Quốc đã quyết định nới lỏng các biện pháp phòng dịch. Ngày 29/11, Tổng Giám đốc IMF Kristalina Georgieva để ngỏ khả năng hạ dự báo tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc, cho rằng dịch bệnh COVID-19 kéo dài và các vấn đề của ngành bất động sản đã gây ra những rủi ro liên tục đối với nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Trước đó, IMF dự báo kinh tế Trung Quốc tăng 3,2% trong năm 2022 và tăng lên 4,4% trong năm 2023.

Kinh tế Mỹ tăng trưởng tốt hơn dự báo trong quý III/2022

Theo báo cáo, Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Mỹ trong quý III/2022 tăng trưởng với tốc độ hàng năm là 2,9%, cao hơn so với ước tính ban đầu là 2,6% nhờ tăng chi tiêu tiêu dùng và đầu tư cho kinh doanh. Trong tháng 10/2022, tổng số cơ hội việc làm được điều chỉnh theo mùa là 10,3 triệu, giảm so với 10,7 triệu trong tháng 9, song lại vượt con số 6,1 triệu người thất nghiệp đang tìm việc làm trong tháng. Nhu cầu về lao động đã giảm bớt trong những tháng gần đây và làn sóng sa thải đã lan rộng khắp các ngành công nghiệp của Mỹ như công nghệ, giải trí và bất động sản. Trong tháng 10 vừa qua, các nhà tuyển dụng lao động ở Mỹ đã tạo thêm 261.000 việc làm, mức tăng thấp nhất trong năm nay. Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp ở nước này vẫn tương đối thấp, song đã tăng cao hơn kể từ khi đạt mức thấp kỷ lục trong mùa Xuân. Tuy nhiên, các số liệu về tăng trưởng và việc làm đã cho thấy sự ổn định của nền kinh tế Mỹ trong bối cảnh khả năng phục hồi sau đại dịch COVID-19 đang chậm lại và những lo ngại về suy thoái kinh tế. Ngân hàng Dự trữ liên bang Mỹ

(FED) đang tăng lãi suất với tốc độ nhanh nhất kể từ đầu những năm 1980 để hạ nhiệt nền kinh tế và kiềm chế lạm phát đang ở gần mức cao nhất trong 40 năm qua.

PMI Việt Nam tháng 11 giảm còn 47.4 điểm do điều kiện kinh tế thế giới xấu đi

Báo cáo cho biết, số lượng đơn đặt hàng mới ngành sản xuất giảm lần đầu tiên trong 14 tháng vào giữa quý cuối năm, chủ yếu phản ánh nhu cầu trên thị trường quốc tế đang yếu đi. Trên thực tế, số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới đã giảm nhanh hơn so với tổng số lượng đơn đặt hàng mới. Xuất khẩu giảm cũng liên quan ảnh hưởng của biến động tỷ giá bất lợi lên giá cả và xung đột ở Ukraine. Với số lượng đơn đặt hàng mới giảm, các nhà sản xuất Việt Nam cũng giảm sản lượng, và đây là lần giảm đầu tiên kể từ tháng 3. Tốc độ giảm mạnh và nhanh nhất kể từ tháng 9/2021. Các công ty sản xuất hàng hóa tiêu dùng và hàng hóa trung gian có sản lượng giảm, trong khi các công ty sản xuất hàng hóa đầu tư cơ bản có sản lượng tiếp tục giảm. Giống xu hướng của sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới, việc làm và hoạt động mua hàng tiếp tục giảm trong tháng 11. Việc làm giảm lần đầu tiên trong 8 tháng. Ngoài việc phản ánh mức sụt giảm của số lượng đơn đặt hàng mới, số lượng nhân viên giảm cũng phản ánh nỗ lực giảm chi phí ở một số công ty. Hoạt động mua hàng hóa đầu vào giảm, kết thúc thời kỳ tăng kéo dài 13 tháng và khiến tồn kho hàng mua giảm lần thứ hai liên tiếp. Hàng tồn kho sau sản xuất cũng giảm.

Các ngân hàng nhận chuyển giao bắt buộc sẽ được nới "room" ngoại lên 49%?

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 về hình thức mua cổ phần đối với nhà đầu tư nước ngoài. Theo đó, nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần trong trường hợp tổ chức tín dụng cổ phần chào bán cổ phần, phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ. Ngoài ra, đáng chú ý, NHNN dự kiến bổ sung khoản 6a vào sau khoản 6 Điều 7 về "Tỷ lệ sở hữu cổ phần đối với nhà đầu tư nước ngoài" như sau: "6a. Trong trường hợp đặc biệt để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc, Chính phủ quyết định tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc vượt giới hạn quy định tại khoản 5 Điều này khi phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc, nhưng không vượt quá 49% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc." Theo quy định tại khoản 5, Điều 7, tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30% vốn điều lệ của một ngân hàng thương mại Việt Nam. Như vậy, "room" ngoại của các ngân hàng nhận chuyển giao bắt buộc TCTD yếu kém có thể sẽ được nới lên

49% thay vì 30% như hiện nay. Dự thảo cũng sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 về Điều kiện đối với tổ chức tín dụng Việt Nam bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài. Cụ thể: “2. Tổ chức tín dụng cổ phần có phương án tăng vốn điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trong đó có phương án bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài. Đối với tổ chức tín dụng có tỷ lệ sở hữu của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ, phương án tăng vốn điều lệ thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý tài chính của doanh nghiệp nhà nước trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thông qua”.

VGC: Bộ Xây dựng sẽ thoái hết vốn tại Viglacera trong năm 2023

Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái đã ký Quyết định 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025. Theo đó, 195 công ty duy trì hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên giai đoạn 2022 - 2025 (danh mục doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ giai đoạn 2022 - 2025). Kế hoạch cổ phần hóa 19 doanh nghiệp, sắp xếp lại 5 doanh nghiệp; thực hiện thoái vốn 141 doanh nghiệp giai đoạn 2022 - 2025; và giữ nguyên phần vốn nhà nước tại 126 doanh nghiệp. Còn lại 21 doanh nghiệp sẽ thực hiện sắp xếp theo phương án riêng giai đoạn năm 2022 - 2025. Các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc: Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương và các doanh nghiệp chưa được quy định tại Quyết định này (không thuộc diện chuyển giao về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước) thực hiện sắp xếp theo kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đáng chú ý, theo kế hoạch, Bộ Xây dựng sẽ thoái sạch vốn tại ba doanh nghiệp gồm Tổng công ty Viglacera (sở hữu 35,58% vốn điều lệ), Tổng công ty Cơ khí xây dựng (sở hữu 98,76% vốn điều lệ), Tổng công ty cổ phần Sông Hồng (sở hữu 49,04% vốn điều lệ) và tăng sở hữu tại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (Lilama) lên 51%.

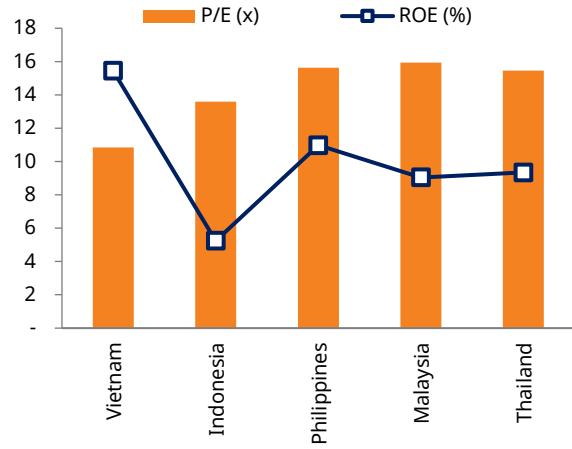
Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



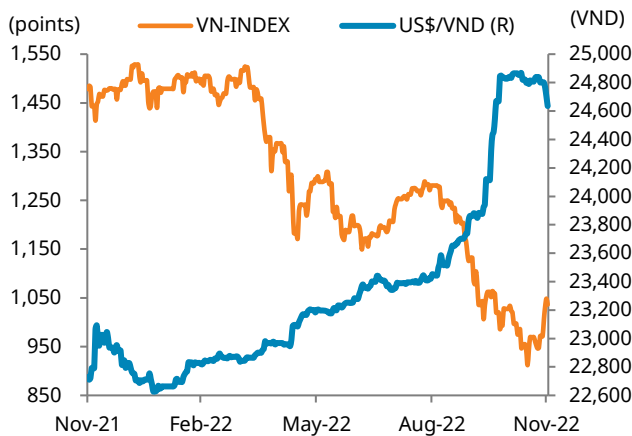
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



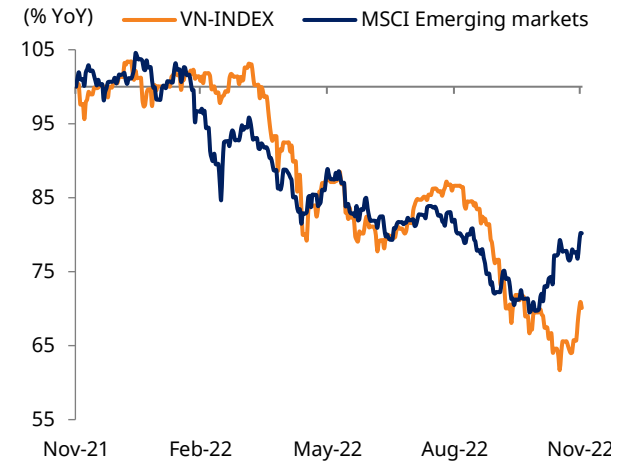
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



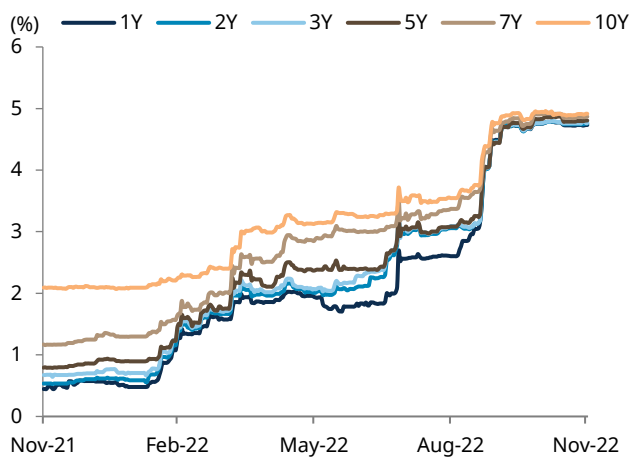
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



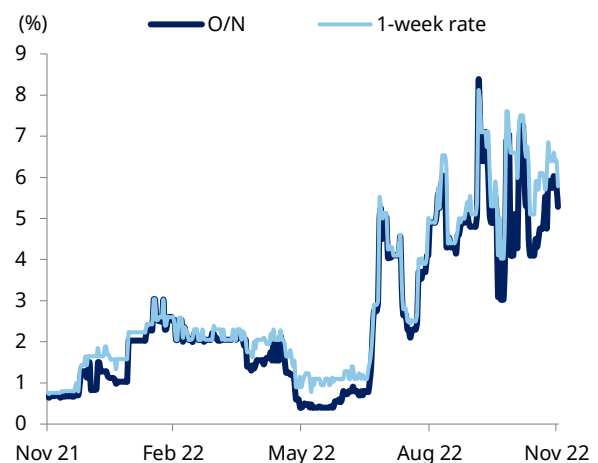
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	VN-Index	1,036.28	4,185,193		-1.2	9.3	0.2	-30.2	17.4	10.9	2.6	1.8	34.6	10.7	15.5	17.5
VN30 Index	VN30	1,042.64	3,020,394		-0.6	10.8	0.4	-32.7	14.4	8.8	2.7	1.5	38.3	11.1	19.6	18.8
Asia Commercial Bank	ACB VN	22,500	75,992	30.0	1.8	7.1	0.2	-16.0	9.9	5.5	2.1	1.3	24.6	46.6	23.5	25.5
BIDV	BID VN	39,000	197,282	17.2	-5.1	2.6	14.5	10.7	21.5	12.2	2.3	2.0	50.3	84.4	11.0	17.9
Bao Viet Holdings	BVH VN	47,800	35,483	26.5	-1.3	-1.8	-9.8	-21.8	20.6	#N/A	1.8	#N/A	21.8	N/A	9.2	N/A
VietinBank	CTG VN	26,150	125,670	27.4	-4.0	6.3	7.0	-23.1	11.6	7.5	1.8	1.2	18.2	18.8	15.8	15.9
FPT Corp	FPT VN	74,700	81,948	49.0	0.1	6.0	-1.1	-8.7	20.9	15.1	4.6	3.7	21.5	36.6	23.4	27.2
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	106,500	203,836	3.0	-3.4	0.7	-3.2	8.1	21.5	13.9	3.5	3.4	8.1	75.8	16.8	25.1
Vietnam Rubber Group	GVR VN	14,800	59,200	0.5	4.2	13.8	2.1	-61.6	34.6	15.0	3.0	#N/A	10.3	-5.4	8.7	8.1
HDBank	HDB VN	15,950	40,118	18.1	2.6	7.8	-3.9	-37.7	10.2	5.1	2.1	1.1	42.5	28.9	23.3	23.4
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	18,200	105,829	20.1	-1.1	26.8	21.3	-51.7	6.4	9.2	2.3	1.1	151.5	-64.1	42.8	12.2
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	27,200	19,498	36.3	-0.7	29.5	19.3	-35.0	28.5	16.2	3.2	1.7	3.1	3.2	12.2	11.1
MBBank	MBB VN	17,800	80,705	23.2	2.3	13.4	-1.1	-27.6	8.6	4.5	1.8	1.0	53.0	40.1	23.6	24.7
Masan Group Corp	MSN VN	99,000	140,949	30.1	-2.9	11.2	14.5	-20.7	23.4	31.0	6.1	3.7	589.7	-47.3	35.1	12.2
Mobile World Investment Corp	MWG VN	44,050	64,469	49.0	-0.1	16.8	-12.1	-36.6	19.6	12.9	4.7	2.8	18.2	-1.0	27.3	22.7
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	23,350	45,529	5.0	0.0	6.4	-66.6	-73.2	50.0	7.6	5.0	0.8	-18.7	68.6	10.6	10.8
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	14,600	9,806	6.1	7.0	5.4	-65.6	-78.6	26.0	#N/A	6.7	#N/A	53.5	N/A	29.3	N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	31,000	39,388	17.8	5.1	12.7	6.5	-42.9	28.9	29.6	2.6	1.3	160.6	-41.5	9.7	4.7
Vietnam International Commercial JSC	VIB VN	20,000	42,153	20.5	-1.2	12.0	-0.7	-37.2	11.6	5.4	3.0	1.3	39.0	23.8	29.9	28.7
PetroVietnam Power Corp	POW VN	11,200	26,229	4.4	-3.9	5.7	8.2	-20.0	23.1	21.6	1.4	#N/A	-24.2	-31.4	6.2	5.6
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	175,400	112,481	62.7	-2.6	-2.8	-4.5	12.1	26.9	21.4	4.5	4.7	-22.9	48.8	17.1	23.5
SSI Securities Corp	SSI VN	18,200	27,102	38.1	-5.5	13.8	7.4	-64.9	18.9	#N/A	3.4	#N/A	100.3	N/A	21.0	N/A
Sacombank	STB VN	19,500	36,762	23.9	-2.5	7.1	15.4	-34.8	19.3	#N/A	1.7	1.0	30.6	N/A	9.5	12.7
Techcombank	TCB VN	27,400	96,372	22.5	5.8	23.7	6.8	-47.7	9.7	4.6	1.9	0.8	46.1	17.2	21.7	20.8
Tien Phong Bank	TPB VN	21,800	34,482	30.0	-0.9	9.0	0.0	-39.0	12.7	#N/A	2.5	1.1	28.5	N/A	22.6	20.9
Vietcombank	VCB VN	80,000	378,601	23.6	-1.2	9.6	6.7	3.1	18.8	14.1	3.4	2.8	19.7	35.6	19.6	21.4
Vinhomes JSC	VHM VN	53,500	232,959	23.6	-1.8	18.9	18.9	-35.5	8.8	7.6	2.8	1.5	40.9	-22.2	36.9	22.4
Vingroup JSC	VIC VN	66,000	251,720	12.5	-5.2	8.2	19.1	-37.7	63.2	41.5	3.5	2.3	-145.6	332.3	-2.8	5.8
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	103,200	55,894	16.6	0.2	2.0	-2.9	-14.0	923.0	#N/A	4.1	#N/A	6.1	N/A	0.5	N/A
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	82,400	172,212	55.8	-0.5	1.5	2.7	-5.8	18.2	20.3	5.2	5.1	-5.3	-10.0	29.3	26.6
VPBank	VPB VN	16,800	112,782	17.7	0.0	11.3	-2.3	-33.5	13.5	5.7	2.0	1.1	11.6	66.5	17.9	20.4
Vincom Retail JSC	VRE VN	30,000	68,170	33.0	-1.8	10.7	14.3	1.0	52.1	27.2	2.2	2.1	-44.8	90.7	4.4	7.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vì phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.